

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/DS-ST

Ngày: 14/9/2025

*"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng, Hợp
đồng thế chấp tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký

Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng tham gia
phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q (Viết tắt là VIB);

Địa chỉ: Tầng A và tầng B, tòa nhà S - A P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình H – Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng.

Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thùy P, bà Lý Tố O, bà Trần Thị Trà M, bà Trần Thị Thu H1 – Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; Điều địa chỉ: Tầng D, tòa nhà C, số D T, phường K, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn H2, sinh năm 1980 và chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1985

Đều có địa chỉ tại : thôn T, xã C, thành phố Hải Phòng

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn K.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, Thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (Viết tắt là VIB) do người đại diện trình bày:*

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng V1 và anh Đặng Văn H2, chị Nguyễn Thị S đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 9446977.21 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 2993093 với nội dung: Số tiền vay: 605.000.000 đồng; Mục đích cấp tín dụng: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô nhãn hiệu

HUYNDAI, số loại: MIGHTY EX8 GTL THÙNG MUI BẠT INOX304, biển số: 34C-315.77 theo hợp đồng mua bán xe số: 637/HĐKT/2021, ký ngày: 06/12/2021 giữa Công ty cổ phần Đ và anh Đặng Văn H2, phục vụ mục đích kinh doanh. Thời hạn cho vay: 72 tháng tính từ ngày ký Hợp đồng có hiệu lực với lãi suất điều chỉnh (Cụ thể, lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/ thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của V1 từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật). Tại đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, ngày 09/12/2021, Ngân hàng V1 đã cấp tín dụng số tiền 605.000.000 đồng cho anh Đặng Văn H2 và chị Nguyễn Thị S. Thời hạn vay là 72 tháng từ ngày 10/12/2021 đến ngày 09/12/2017 với lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,1%/năm trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng/ một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm. Phương thức trả nợ: Vào ngày 10 hàng tháng; kỳ trả đầu tiên 10/01/2022, mỗi kỳ trả 8.402.777 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả lãi: Vào ngày 10 hàng tháng và trả phí theo quy định của V1 từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng V1 đã giải ngân cho anh H2, chị S số tiền 605.000.000 đồng. Anh H2, chị S đã trả được 268.921.995 đồng tiền gốc và khoản nợ của anh H2, chị S đã quá hạn từ ngày 12/12/2024. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/09/2025, tổng dư nợ của anh H2, chị S là 381.890.341 đồng VIB đã nhiều lần làm việc trực tiếp và gửi văn bản yêu cầu anh H2, chị S thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên tuy nhiên anh H2, chị S không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Do vậy VIB khởi kiện Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Buộc anh Đặng Văn H2 và chị Nguyễn Thị S phải trả cho V1 số tiền dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 9446977 ngày 09/12/2021 tính đến ngày 14/09/2025 là 381.890.341 đồng (Trong đó nợ gốc là 308.978.005đ, nợ lãi trong hạn là 17.731.752đ, nợ lãi quá hạn là 55.180.584 đ)

Anh H3, chị S còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc, nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản vay.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà anh H3, chị S không trả được toàn bộ khoản nợ thì VIB có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là chiếc ô tô BKS 34C – 315.77.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh H3, chị S với VIB. Trường hợp số tiền trên không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh H3, chị S có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

Bị đơn anh Đặng Văn H2 trình bày: Ngày 09/12/2021 anh và chị S có ký hợp đồng tín dụng số 9446977.21 với V1 để vay số tiền 605.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe ô tô phục vụ công việc gia đình. Sau đó V1 đã giải ngân cho anh chị số tiền trên và chuyển thẳng vào tài khoản của công ty bán ô tô để thanh

toán tiền mua ô tô. Để đảm bảo cho khoản vay, anh và chị S có ký hợp đồng thế chấp số 2993093.21 để thế chấp chiếc xe đã mua cho ngân hàng.

Trước khi ly hôn với chị Nguyễn Thị S, anh và chị S đã thống nhất với nhau về việc bán xe và phân chia tài sản. Theo đó, vợ chồng anh chị đã bán chiếc xe ô tô BKS 34C – 315.77 cho anh Nguyễn Thiên T, sinh năm 1984 có địa chỉ tại thôn T, xã C, Thành phố Hải Phòng. Sau đó anh T bán lại cho anh Nguyễn Văn K có địa chỉ tại thôn H, xã C, thành phố Hải Phòng. Từ đó đến nay anh K vẫn đang quản lý, sử dụng xe ô tô nêu trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V1, anh H2 có quan điểm đồng ý trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị ngân hàng cho trả dần, anh sẽ tiếp tục trả gốc và lãi cho Ngân hàng V1.

Bị đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Nội dung ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản như Ngân hàng V1 và anh H2 trình bày là đúng. Chị và anh H2 đã ly hôn, khi ly hôn anh chị đã thỏa thuận anh H2 sẽ quản lý sử dụng chiếc xe nên phải có nghĩa vụ thanh toán với ngân hàng số tiền còn lại. Việc anh H2 bán chiếc xe cho người khác chị không được biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng V1, chị có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, do không có điều kiện thanh toán nên chị đề nghị phát mại chiếc xe ô tô để thanh toán khoản nợ với ngân hàng. Nếu phát mại chiếc xe vẫn không đủ tiền thanh toán cho ngân hàng, chị đề nghị anh H2 phải có trách nhiệm thanh toán vì giữa chị và anh H2 đã ly hôn và đã thỏa thuận với nhau về khoản nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh đang quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số loại: MIGHTY EX8 GTL THÙNG MUI BẠT INOX304, biển số: 34C-315.77 của anh Đặng Văn H2. Anh xác định anh không mua chiếc xe trên của anh H2 mà do anh H2 chưa có nhu cầu sử dụng nên anh mượn tạm chiếc xe để sử dụng. Anh không có giấy tờ liên quan đến chiếc xe. Trong trường hợp anh H2, chị S không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán với ngân hàng V1 và ngân hàng thực hiện phát mại chiếc xe, anh sẽ giao trả xe để anh H2 giao cho ngân hàng phát mại.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn anh Đặng Văn H2 xác định số tiền đã thanh toán cho ngân hàng và số tiền còn nợ là đúng và đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành quy định quyền và nghĩa vụ của đương sự của Bộ luật tố tụng dân sự; Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 429 Bộ luật dân sự ; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của TMCP Q (Viết tắt là V1).

Buộc anh Đặng Văn H2 và chị Nguyễn Thị S phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q (Viết tắt là V1) số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm

14/9/2025 tổng là 381.890.341 đồng (Trong đó nợ gốc là 308.978.005đ, nợ lãi trong hạn là 17.731.752đ, nợ lãi quá hạn là 55.180.584 đ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2025, anh Đặng Văn H2 và chị Nguyễn Thị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Anh Đặng Văn H2 và chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn VIB khởi kiện anh Đặng Văn H2 và chị Nguyễn Thị S thanh toán nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn (anh Đặng Văn H2 và chị Nguyễn Thị S) có nơi cư trú tại thôn T, xã C, Thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 308.978.005đ thì thấy:

Theo Hợp đồng tín dụng số 9446977.21 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 2993093 ngày 09/12/2021 giữa Ngân hàng V1 và anh Đặng Văn H2, chị Nguyễn Thị S; Số tiền vay: 605.000.000 đồng; Mục đích cấp tín dụng: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số loại: MIGHTY EX8 GTL THÙNG MUI BẠT INOX304, biển số: 34C-315.77; Thời hạn cho vay: 72 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Xét việc ký hợp đồng tín dụng giữa VCB và anh T1 là thỏa thuận tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, V1 đã giải ngân cho anh H2, chị S số tiền 605.000.000đ. Anh H2, chị S đã trả được 268.921.995 đồng tiền gốc, còn nợ lại 308.978.005đ và khoản nợ của anh H2, chị S đã quá hạn từ ngày 12/12/2024. Đối chiếu vào thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng tín dụng thấy rằng anh H2, chị S đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi theo Điều 4 hợp đồng tín dụng. VIB đã nhiều lần làm việc với bị đơn và có văn bản yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên tuy nhiên anh H2, chị S không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 308.978.005đ là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[2.2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải chịu tiền lãi tính từ ngày 12/12/2024 đến ngày 14/9/2025 thì thấy:

Theo Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên giữa nguyên đơn và bị đơn có quy định về việc tính lãi. Từ ngày 12/12/2024 bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu lãi theo như đã giao kết trong hợp đồng, lãi suất theo như bảng kê Ngân hàng cung cấp cho Tòa án là phù hợp quy định nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi bao gồm nợ lãi trong hạn là 17.731.752đ, nợ lãi quá hạn là 55.180.584 đ

[2.3] Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trong trường hợp anh H2, chị S không thanh toán được số tiền còn nợ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng V1 có quyền phát mại tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số loại: MIGHTY EX8 GTL THÙNG MUI BẠT INOX304, biển số: 34C-315.77 để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại xe không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh H2, chị S có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp phát mại sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân hàng M1 thừa tiền sẽ được trả lại cho anh H2 chị S.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 429 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q (V1).

Buộc anh Đặng Văn H2, chị Nguyễn Thị S phải thanh toán cho Ngân hàng Q (V1) số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2025 tổng là 381.890.341 đồng (Ba trăm tám mươi một nghìn tám trăm chín mươi nghìn ba trăm bốn một đồng). Trong đó nợ gốc là 308.978.005đ, nợ lãi trong hạn là 17.731.752đ, nợ lãi quá hạn là 55.180.584 đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

Trong trường hợp anh H2, chị S không thanh toán được số tiền trên, Ngân hàng V1 có quyền phát mại tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số loại: MIGHTY EX8 GTL THÙNG MUI BẠT INOX304, biển số: 34C-315.77 để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại xe không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh H2, chị S có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp phát mại sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân hàng M1 thừa tiền sẽ được trả lại cho anh H2 chị S.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Đặng Văn H2, chị Nguyễn Thị S phải chịu 19.094.500đ (mười chín triệu không trăm chín tư nghìn năm trăm đồng) (mỗi

người phải chịu 9.547.250đ) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q số tiền 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002192 ngày 10/3/2025 tại Chi cục THADS huyện T nay là Phòng THADS khu vực 11-Hải Phòng.

[4]. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 11 - Hải Phòng;
- Phòng THADS Khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Thành

